

Bản án số: 590/2018/DS-PT

Ngày: 15/6/2018

V/v tranh chấp yêu cầu hủy
hợp đồng tặng cho quyền
sử dụng đất và yêu cầu hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Xuân Trang**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Vũ Đức Toàn**

2. Bà **Trần Thị Kim Quy**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà **An Phương Trang**, Thư ký Tòa
án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông **Phan Văn Kiên** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/6/2018 và ngày 15/6/2018 tại phòng xử án của Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số
187/2018/TLPT-DS ngày 20/4/2018 về việc “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp
đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 441/2016/DS-ST ngày 12/9/2016 của Tòa án
nhân dân quận Z bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1976/2018/QĐ-PT ngày 03/5/2018
và Quyết định hoãn phiên tòa số 3520/2018/QĐ-PT ngày 22/5/2018 giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Tấn H**, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đăng N, sinh năm 1944

(có mặt)

Địa chỉ thường trú: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: luật sư Trần Công Ly T1 (có mặt ngày 08/6/2018, vắng mặt ngày 15/6/2018).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1933 (có mặt ngày 08/6/2018, vắng mặt ngày 15/6/2018).

Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị B, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Tấn Q, sinh năm, 1929 (vắng mặt)

Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn H, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ủy ban nhân dân quận Z

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D1 (xin vắng)

Địa chỉ: A, Phường B, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Trương Hòa B1, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị C, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Trương Thị Thanh P, sinh năm 1967 (xin vắng)

Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Theo đơn khởi kiện, các biên bản lời khai, hòa giải ông Huỳnh Hoa Tô G là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ ông Lê Tấn H là ông Lê Tấn Q, bà Nguyễn Thị D có 08 người con là Lê Thị M, Lê Thị B, Lê Tấn H, Lê Thị B, Lê Thị H, Lê Thị G1, Lê Thị C và Lê Thị H1, tất cả các con đều được cha mẹ cho đất, ông H là con trai duy nhất nên được ông Q bà D cho 2.122m², và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, loại đất là đất trồng cây lâu năm. Vì bà H1 làm việc ở Chi cục thuế Z, sẽ được miễn giảm tiền thuế chuyển mục đích sử dụng đất nên ông H có ký hợp đồng số 22263 ngày 29/9/2010 tại phòng công chứng số

AB, Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung là cho bà H1 1.000m² để bà H1 đứng tên quyền sử dụng đất, sau đó xin chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị và sẽ chuyển trả lại cho ông H. Ngay sau khi đóng tiền sử dụng đất là ngày 17/6/2013 ông H yêu cầu bà H1 trả đất nhưng bà H1 chỉ trả lại 500m² và đã phát sinh tranh chấp với nhau. Việc ông H cho đất bà H1 vợ ông là bà P không biết.

Nay ông H yêu cầu hủy bỏ một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 22263 ngày 29/9/2010 tại phòng công chứng BC, Thành phố Hồ Chí Minh giữa bà H1 và ông H với lý do bị bà H1 lừa dối, việc tặng cho quyền sử dụng đất không được bà P vợ của ông đồng ý, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 220804 do Ủy ban nhân dân quận Z cấp cho bà Lê Thị H1 ngày 14/12/2010 và bà H1 trả lại 500m² đất còn lại cho ông H.

Tại biên bản lời khai, biên bản hòa giải bà Lê Thị H1 là bị đơn trình bày:

Bà xác nhận lời trình bày của ông G đại diện ông H về cha mẹ bà và các anh chị em là đúng. Cha mẹ bà có cho mỗi người con 1.000m², riêng ông H đứng tên trên giấy chứng nhận phần đất diện tích 2.122m². Ngày 29/9/2010 H tặng cho bà 1.000m² đất theo hợp đồng tặng cho số 22263 tại phòng công chứng BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà đã đăng ký quyền sử dụng phần đất được tặng cho và được Ủy ban nhân dân quận Z cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD200507 ngày 03/11/2010, bà đã xin chuyển mục đích sử dụng đất, ngày 14/12/2010 đã được Ủy ban nhân dân quận Z chấp nhận cho chuyển mục đích sử dụng thành 891m² đất ở và 109m² đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 220804 ngày 14/12/2010 nhưng nợ tiền sử dụng đất. Cuối năm 2012 khi có thai, chuẩn bị sinh nên bà đã ủy quyền cho ông H đi thực hiện một số công việc theo thỏa thuận, trong đó đi đóng tiền sử dụng đất, sau đó ông H và ông Lê Tấn Q bắt bà phải trả lại cho ông H 500m², phần còn lại là của bà theo cam kết của ông H có ông Q xác nhận ngày 13/7/2013. Tại Tòa bà xác định tiền ông H đóng tiền sử dụng đất là của bà đưa, và không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của ông H vì việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà và ông H là đúng pháp luật, không có điều kiện kèm theo, việc bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 220804 ngày 14/12/2010 là đúng pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận Z có ông Trần Văn D1 là đại diện theo ủy quyền vắng mặt nhưng có trình bày:

Ủy ban nhân dân quận Z không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 220804 do ủy ban nhân dân quận Z cấp cho bà H1 ngày 14/12/2010 vì

việc cấp giấy chứng nhận nêu trên là phù hợp pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn Q trình bày:

Ông là cha của ông Lê Tấn H và bà Lê Thị H1, ông xác định phần đất 2.122 m² thuộc thửa 689 tờ bản đồ số MN phường Y là ông cho riêng ông H, không phải là cho vợ chồng ông H, ông có biết việc ông H ký hợp đồng tặng cho bà H1 là để bà H1 làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, và phải trả lại cho ông H. Cam kết ngày 13/7/2013 của ông và ông H với bà H1 là do bà H1 làm áp lực, buộc ông phải ký thì mới trả đất. Ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D ủy quyền cho bà Lê Thị M đại diện trình bày:

Bà D là mẹ của bà H1 và ông H. Bà D thống nhất với ý kiến của bà H1. Bà cũng xác định bà D cho riêng ông H phần đất thuộc thửa 689 tờ bản đồ số MN phường Y, không phải cho vợ chồng ông H và không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thanh P trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Tấn H, phần đất ông H cho bà H1 là tài sản chung của vợ chồng, bà không biết việc ông H tặng cho quyền sử dụng đất với bà H1. Sau khi đóng tiền sử dụng đất xong là 17/6/2013, khi ông H và bà H1 tranh chấp về hợp đồng tặng cho ngày 29/9/2010 thì bà mới biết. Mặc dù đất đai có nguồn gốc cha mẹ ông H cho một mình ông H nhưng bà là vợ nên cũng được hưởng. Bà cũng thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông H.

Bản án sơ thẩm đã tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu xin hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 22263 ngày 29/9/2010 giữa ông Lê Tấn H, bà Lê Thị H1 tại phòng công chứng BC, Thành phố Hồ Chí Minh do hết thời hiệu khởi kiện.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn H, bà Trương Thị Thanh P về việc đòi bà Lê Thị H1 phải trả lại 500m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 220804 ngày 14/12/2010 do Ủy ban nhân dân quận Z cấp cho bà Lê Thị H1. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 220804 ngày 14/12/2010 của Ủy ban nhân dân quận Z.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 15/9/2016 nguyên đơn ông Lê Tấn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thanh P có đơn kháng cáo.

Bản án số 625/2017/DS-PT ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy án sơ thẩm do có vi phạm về tố tụng.

Quyết định giám đốc thẩm số 114/2018/DS-GĐT ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên hủy bản án phúc thẩm số 625/2017/DS-PT nêu trên để xét xử phúc thẩm lại do những sai sót của cấp sơ thẩm cấp phúc thẩm có thể khắc phục được.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 2:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau giải quyết vụ án.

Bà T đại diện ông H yêu cầu sửa án sơ thẩm: chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông H, hủy một phần hợp đồng tặng cho ngày 29/9/2010 giữa ông H với bà H1, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức đã cấp cho bà H1 ngày 14/12/2010, cập nhật ngày 25/9/2013.

Ông N đại diện bà H1 yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Bà B đại diện cho bà D, bà C đại diện cho ông B1 yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Ông H đại diện ông Q thống nhất yêu cầu kháng cáo của ông H.

Đại diện Ủy ban nhân dân quận Z, bà P xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự, luật sư đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H và bà P có đơn kháng cáo.

Ngày 07/6/2018 bà P rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà P.

Xét kháng cáo của ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng tặng cho ngày 29/9/2010 giữa ông H với bà H1 thực chất là nhằm mục đích tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng nhà ở cho ông H như thừa nhận của bà H1 tại Biên bản hòa giải ở Ủy ban nhân dân phường Y, quận Z (bút lục 54, 55) bởi lẽ: sau khi sang tên cho bà H1 các bên không giao nhận đất, việc đổ đất san lấp mặt bằng, nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng nhà theo giấy phép xây dựng đứng tên bà H1 cũng như xây tường rào bao quanh khu đất, quản lý sử dụng đất đều do tiền bạc cũng như công sức của vợ chồng ông H. Vợ chồng ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp. Nhà xây dựng được cấp số K, phường Y, quận Z, được cấp hộ khẩu cho gia đình ông H cư trú tại đây từ năm 2011.

Ông H khởi kiện và kháng cáo yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho ngày 29/9/2010 giữa ông và bà H1, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà H1 ngày 14/12/2010, cập nhật ngày 25/9/2013 nên Tòa án chỉ giải quyết đối với hai yêu cầu này.

Việc cấp số nhà K, phường Y, quận Z ngày 10/6/2011 là cấp cho căn nhà của ông H xây dựng theo giấy phép xây dựng đứng tên bà H1, quyết định cấp số nhà cho bà H1 nhưng thực tế là nhà đất của ông H.

Xét tại Biên bản hòa giải ngày 07/8/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Y, quận Z bà H1 trình bày: bà là em ông H, phần đất 1.000m² mà ông H tặng cho bà trước đây cha mẹ bà giao cho ông H đứng tên giúp, cha mẹ bà yêu cầu ông H chuyển sang cho bà 1.000m² để lập thủ tục chuyển mục đích sang đất thổ cư, với mục đích là xin giấy phép xây dựng nhà. Phần cha bà 500m² đã sang tên ông H, phần mẹ bà 500m² không cho ông H nên bà giữ lại.

Như vậy hợp đồng tặng cho ngày 29/9/2010 giữa ông H và bà H1 là giả tạo nhằm tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở để ông H xây dựng nhà.

Về tiền đổ đất, sang lấp mặt bằng, tiền xây dựng nhà, tiền làm tường rào bao quanh khu đất, tiền chuyển mục đích sử dụng đất, xin phép xây dựng nhà

đứng tên bà H1, xây dựng nhà theo giấy phép đứng tên bà H1 là tiền của vợ chồng ông H bỏ ra.

Từ ngày 30/7/2011 gia đình ông H đã nhập hộ khẩu vào căn nhà do ông bỏ tiền ra xây dựng nhưng trên hộ khẩu ghi “hộ ở nhờ”, từ ngày 16/10/2017 mới chuyển thành hộ chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 khai tiền chuyển mục đích sử dụng đất do bà nộp nhưng không có gì chứng minh. Lời khai của bà H1 cho rằng cha mẹ bà để ông H đứng tên giúp 1.000m² là mâu thuẫn với lời khai của ông Q và bà D là tặng cho riêng ông H 2.122m² đất. Bà D và ông Q không có lời khai hoặc chứng cứ giao cho ông H đứng tên giúp 1.000/2.122m² đã tặng cho ông H như bà H1 trình bày.

Xét sau khi sang tên cho bà H1, 1.000m² đất đã chuyển mục đích sử dụng sang đất ở 891m² và đất trồng cây lâu năm 109m² nhưng nợ tiền sử dụng đất.

Bà H1 đã ký hợp đồng ủy quyền ngày 07/01/2013 cho ông H được thực hiện toàn bộ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thời hạn ủy quyền là 02 năm nhưng ngày 20/5/2013 bà H1 đơn phương chấm dứt ủy quyền.

Do hợp đồng tặng cho ngày 29/9/2010 giữa các bên là giả tạo theo Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005 nên không có thời hiệu. Tòa sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho giữa ông H với bà H1 vì hết thời hiệu là không đúng quy định.

Bản án số 625/2017/DS-PT ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy án sơ thẩm do có vi phạm về tố tụng và có nhận định về nội dung đối với Hợp đồng tặng cho ngày 29/9/2010 giữa các bên.

Quyết định giám đốc thẩm số 114/2018/DS-GĐT ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên hủy bản án phúc thẩm số 625/2017/DS-PT nêu trên để xét xử phúc thẩm lại do những sai sót của cấp sơ thẩm cấp phúc thẩm có thể khắc phục được.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H1 khai ông H tặng cho bà 1.000m² không có điều kiện và bà tặng cho lại ông H 500m² cũng không có điều kiện là mâu thuẫn với lời khai của bà tại Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường Y, quận Z và tại Biên bản hòa giải ngày 12/5/2016 (bút lục 138) tại Tòa sơ thẩm.

Ngoài ra tại cấp sơ thẩm bà H1 khai tiền nộp thuế chuyển mục đích sử dụng đất là của bà đưa cho ông H nộp. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm bà H1 khai bà là người nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không có gì chứng minh.

Lời khai của bà H1 mâu thuẫn, không được ông H thừa nhận.

Do vậy yêu cầu của ông H hủy một phần Hợp đồng tặng cho ngày 29/9/2010 và hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho bà H1 ngày 14/12/2010, cập nhật ngày 25/9/2013 là đúng pháp luật.

Tòa sơ thẩm chấp nhận lời khai của bà H1 có mâu thuẫn, không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để bác yêu cầu của ông H là không có căn cứ pháp luật.

Kháng cáo của ông H có căn cứ đúng pháp luật nên được chấp nhận, cần sửa án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 105/2017/QĐ-BPKCTT ngày 31/5/2017 ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông H được nhận lại tiền bảo đảm đã nộp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà H1 phải nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 289, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 129, 246 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 49, 135 và 136 Luật đất đai 2003;

Căn cứ vào Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Thanh P.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tấn H.

Sửa án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn H.

1. Hủy một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký ngày 29/9/2010 giữa ông Lê Tấn H và bà Lê Thị H1.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 220804 ngày 14/12/2010, cập nhật ngày 25/9/2013 do Ủy ban nhân dân quận Z cấp cho bà Lê Thị H1.

3. Căn cứ bản án này ông Lê Tấn H được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 500m² tại thửa đất số 700 (số thửa mới 739) tờ bản đồ số 62 phường Y, quận Z theo quy định.

4. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 105/2017/QĐ-BPKCTT ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Tấn H được quyền liên hệ với Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để nhận lại số tiền bảo đảm 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 31/5/2017, tài khoản số 117002627763.

Các đương sự thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) bà Lê Thị H1 phải nộp.

Hoàn lại cho ông Lê Tấn H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.400.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AE/2014/0007122 ngày 08/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Z.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải nộp.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.Z;
- Chi cục THADS Q.Z;
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HS.

Vũ Thị Xuân Trang